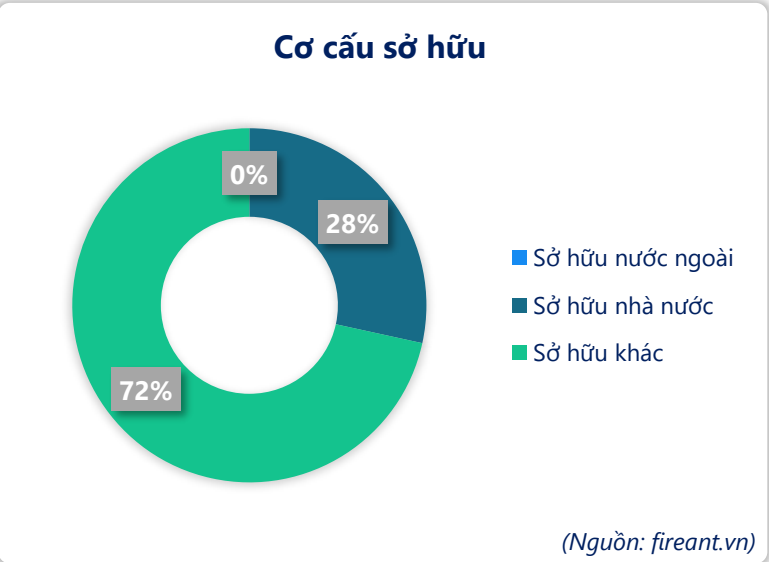
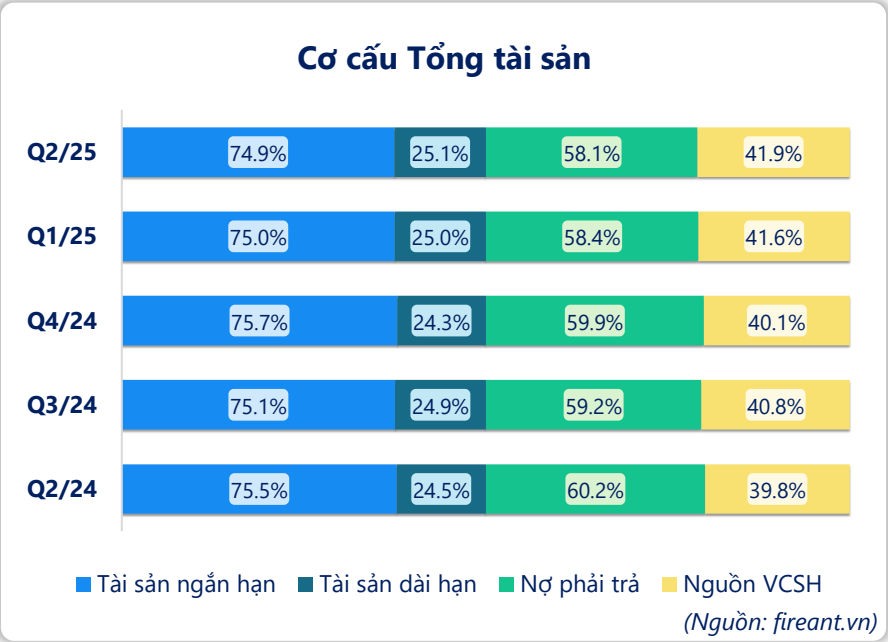
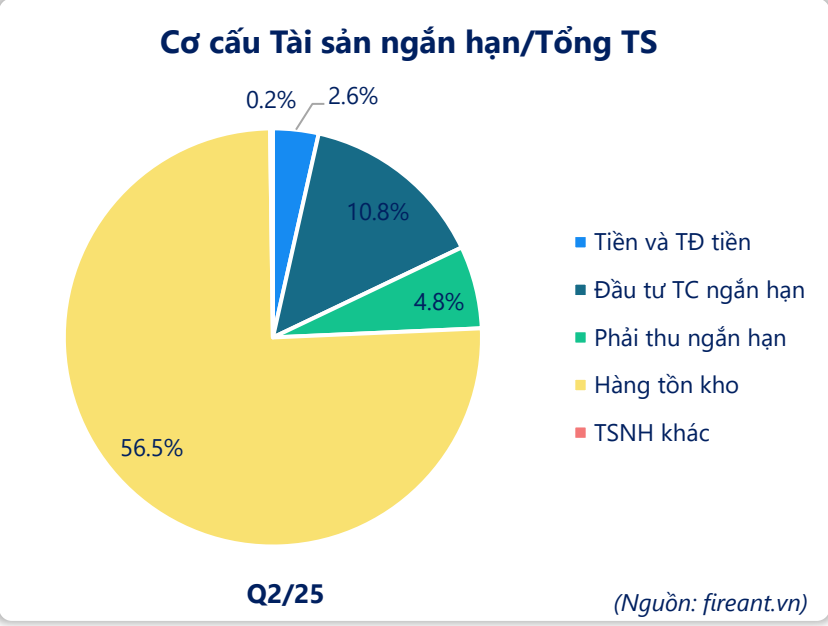
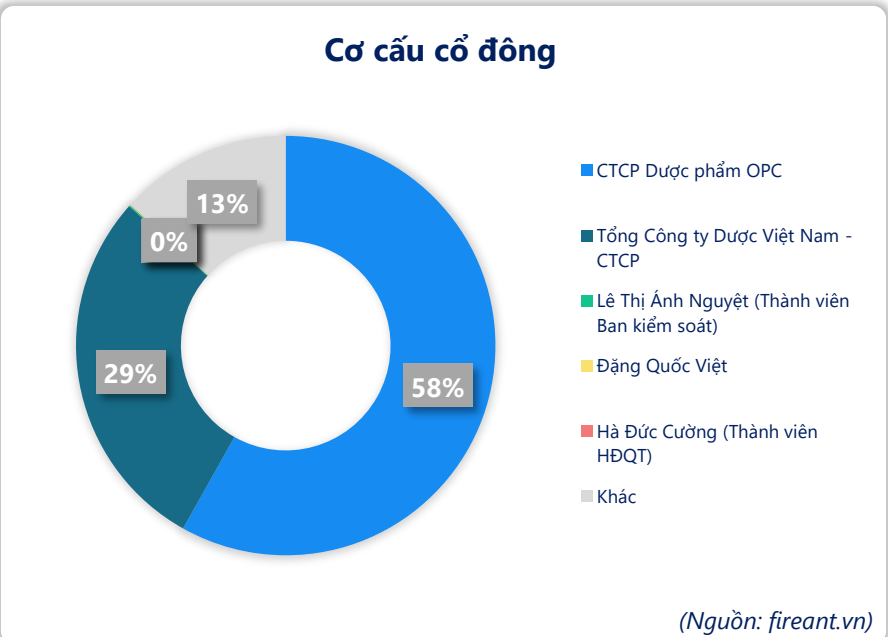
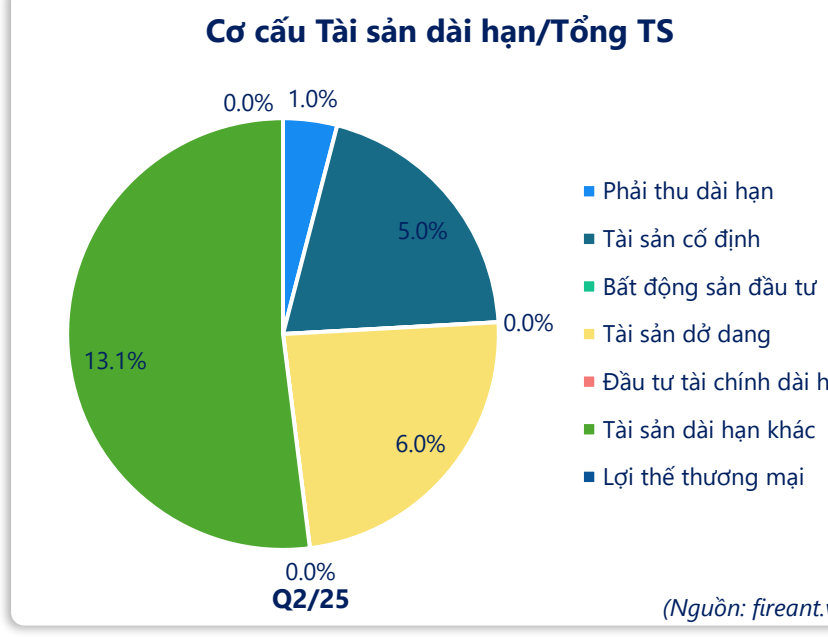
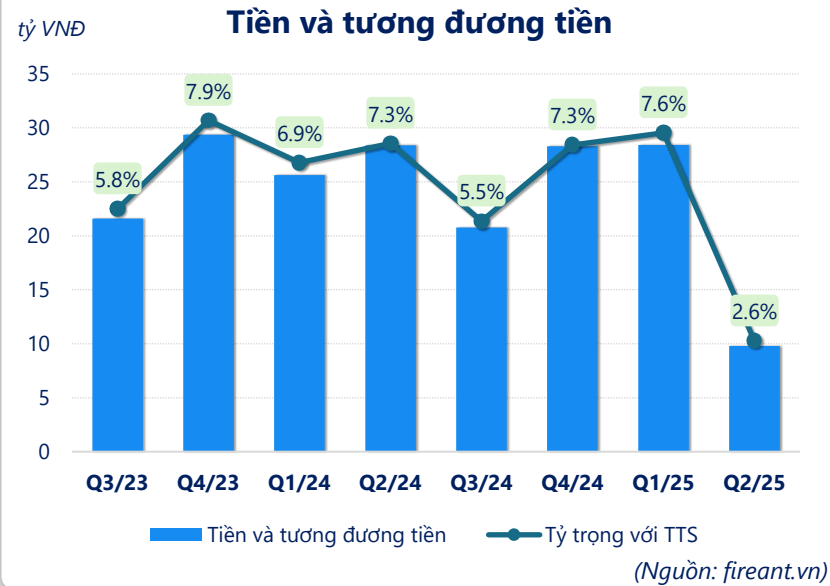
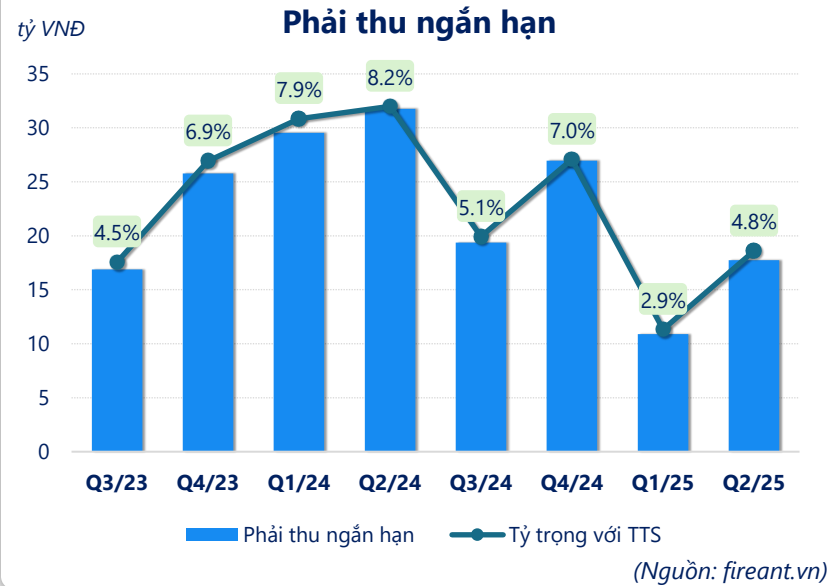
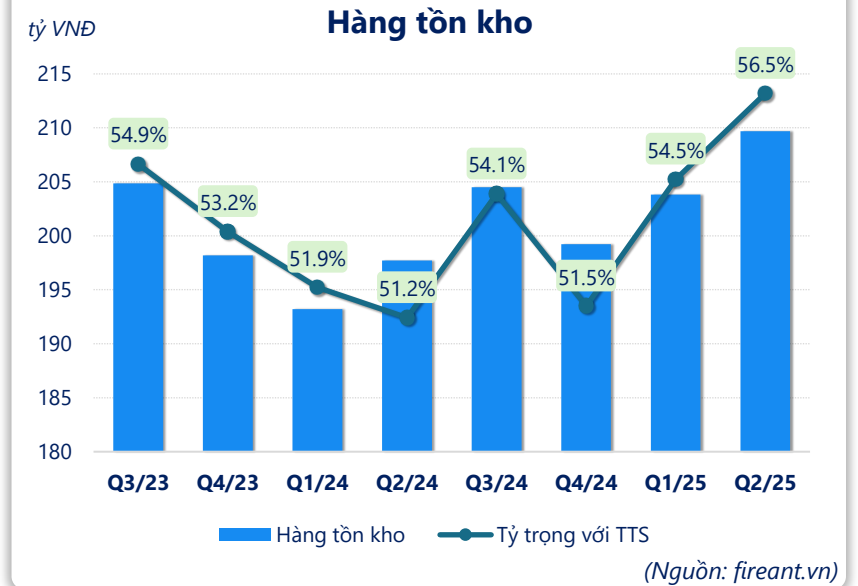
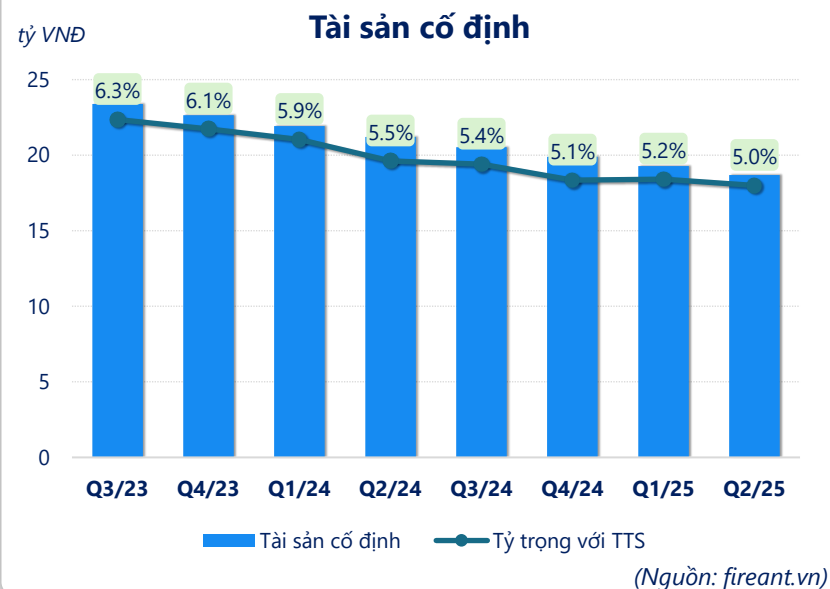
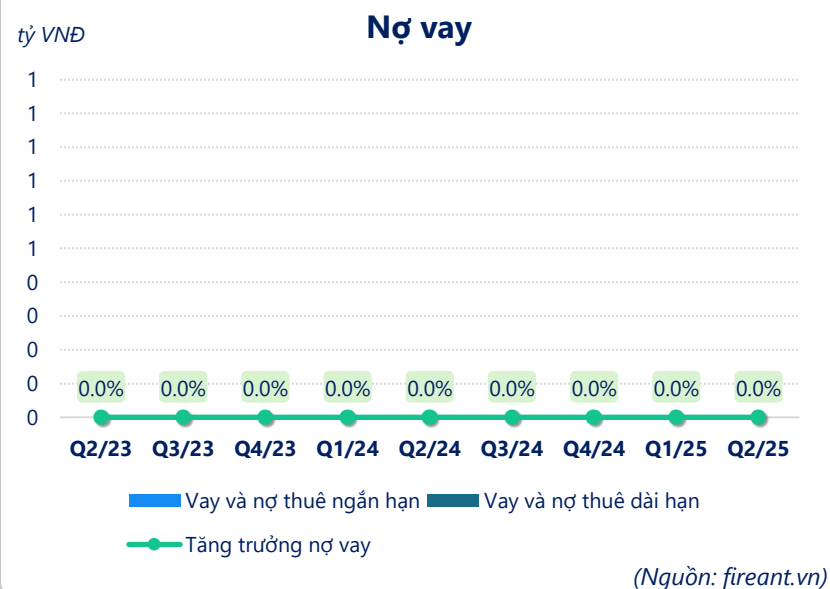
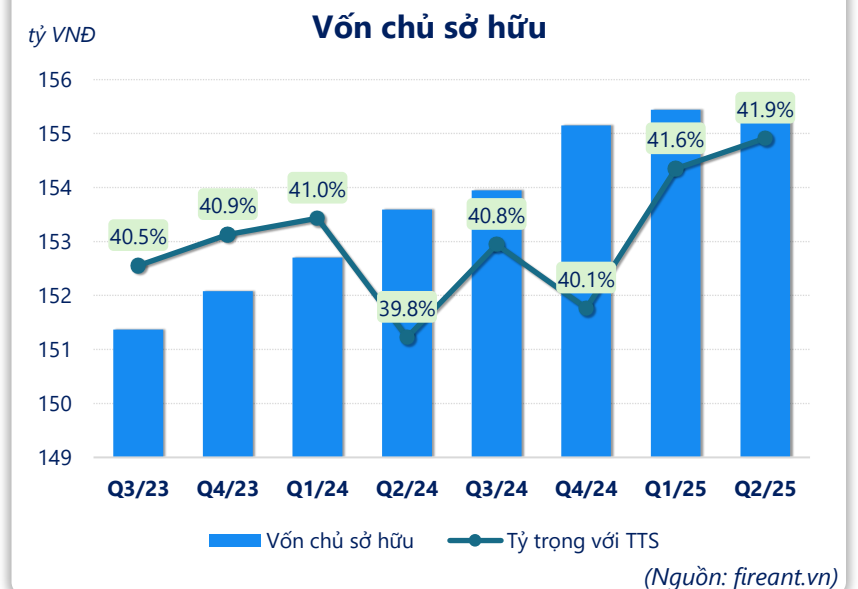
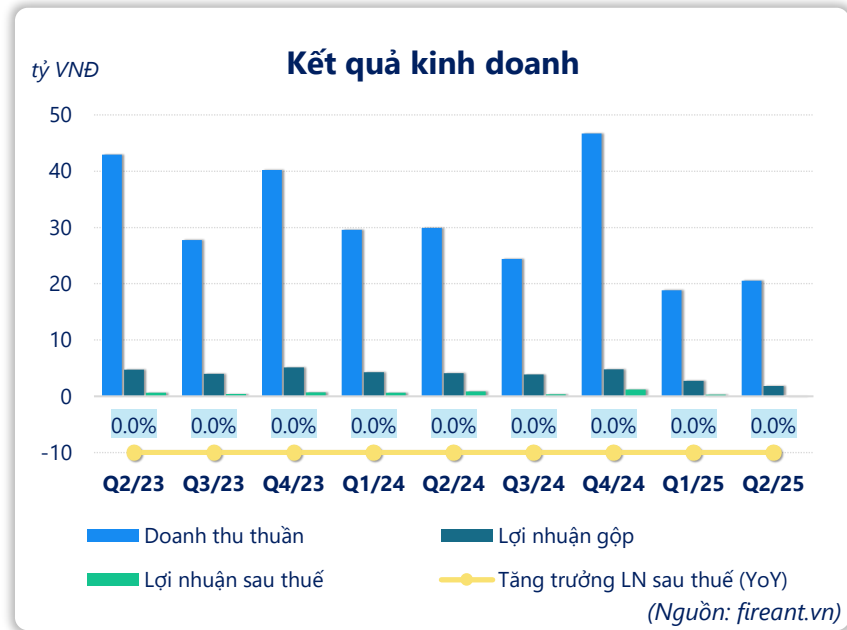
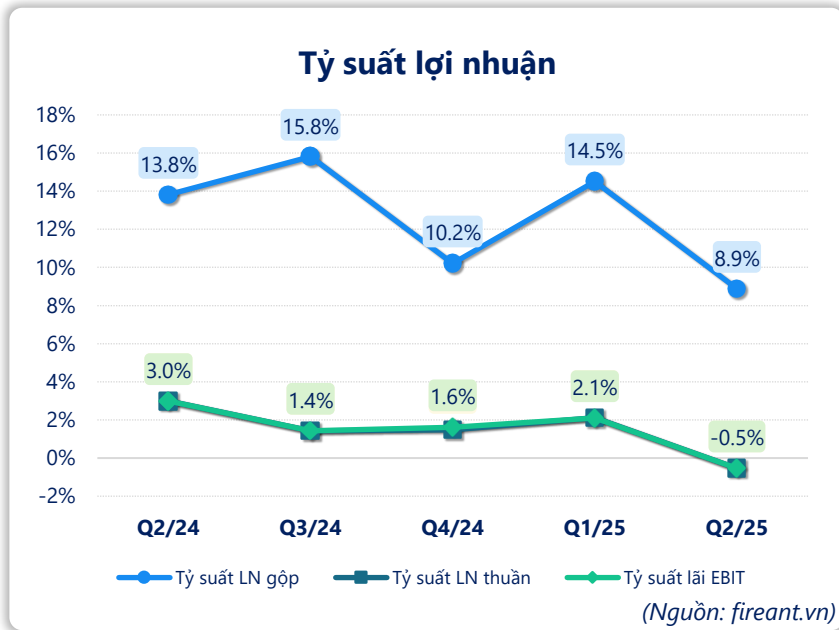
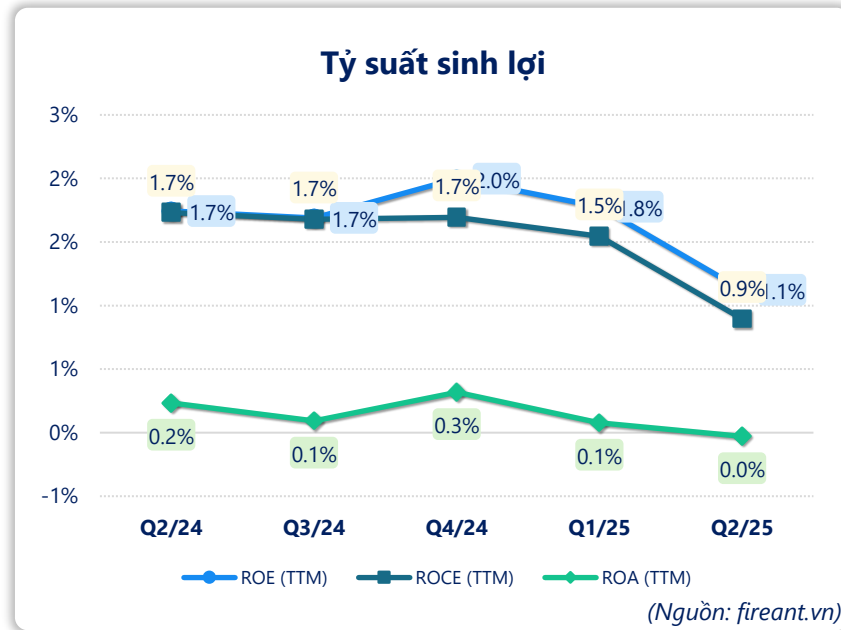
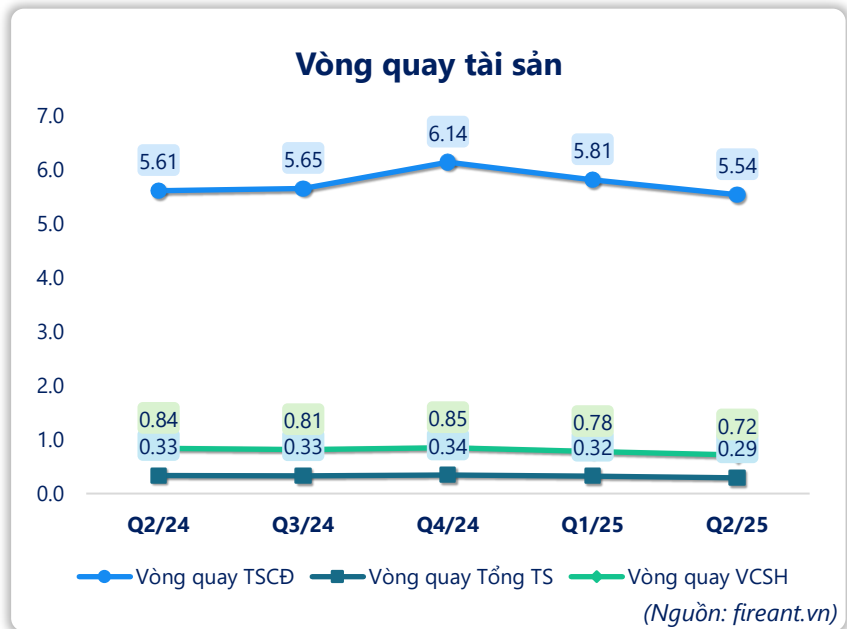
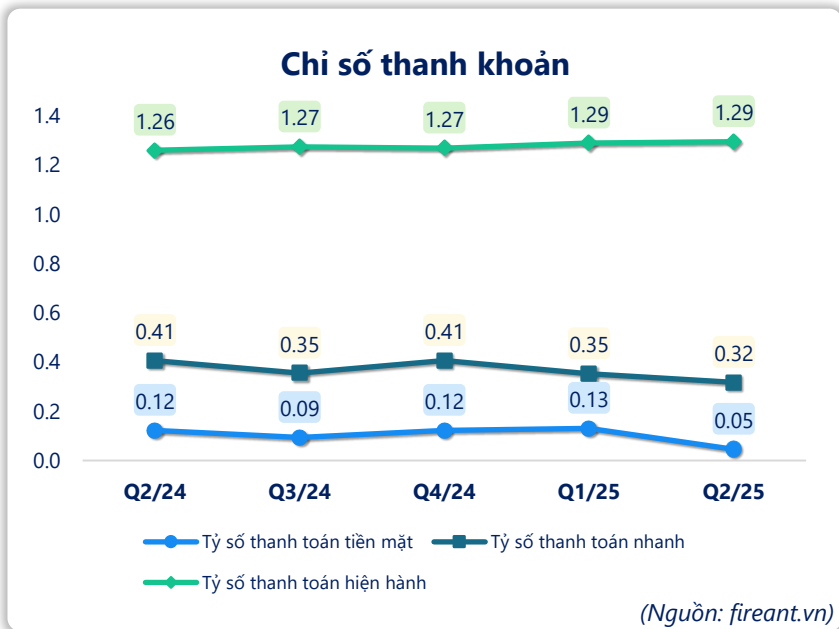
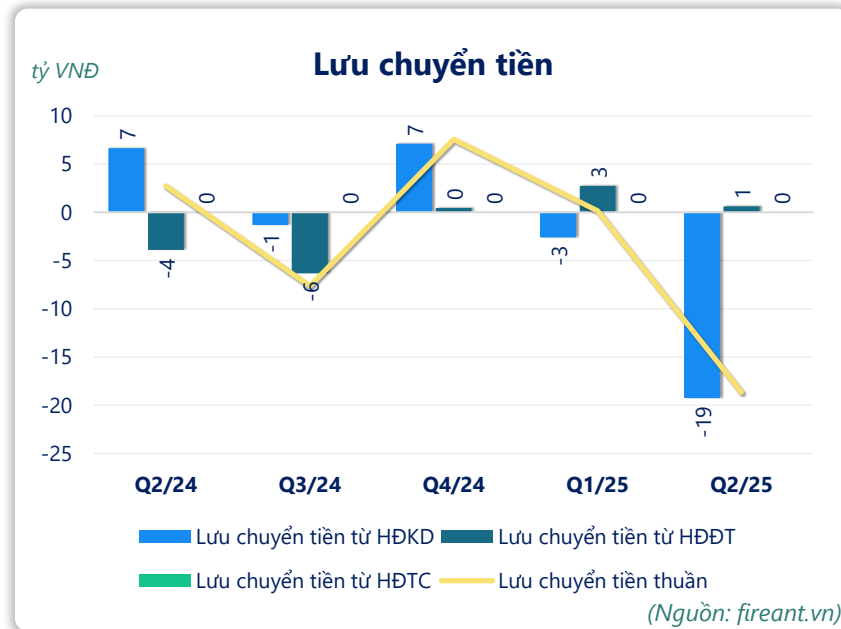


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,700
SL cổ phiếu LH		13,294,641
KLGD BQ 20 phiên (CP)		390
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		133
P/E		76.6
EPS		131

	YTD	1T	3T	6T
UPH	-2.0%	5.3%	0.0%	13.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	371	387	-4.1%
Tài sản ngắn hạn	278	293	-5.1%
Tiền và tương đương tiền	9.78	28.3	-65.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	40.0	38.0	5.3%
Phải thu ngắn hạn	17.7	26.7	-33.6%
Hàng tồn kho	210	199	5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.61	0.52	17.0%
Tài sản dài hạn	93.1	94.1	-1.1%
Phải thu dài hạn	3.77	3.76	0.3%
Tài sản cố định	18.7	19.9	-6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	22.2	21.2	4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	48.4	49.2	-1.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	216	232	-7.0%
Nợ ngắn hạn	215	231	-7.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.08	14.1	-85.3%
Nợ dài hạn	0.99	1.01	-1.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	155	155	0.1%
Vốn chủ sở hữu	155	155	0.1%
Vốn điều lệ	133	133	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	29.9	24.4	46.7	18.8	20.5
Giá vốn hàng bán	25.8	20.5	41.9	16.1	18.7
Lợi nhuận gộp	4.13	3.86	4.77	2.73	1.82
Doanh thu HĐTC	0.77	0.21	0.91	0.40	0.95
Chi phí TC	0.03	0	0.00	0.00	0.03
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.38	0.33	1.23	0.18	0.23
Chi phí QLDN	3.60	3.38	3.76	2.55	2.64
LN thuần từ HĐKD	0.90	0.35	0.69	0.40	-0.11
Lợi nhuận khác	0.00	0	0.06	0.00	0
LN trước thuế	0.89	0.35	0.76	0.39	-0.11
Lợi nhuận sau thuế	0.89	0.35	1.21	0.29	-0.11
LNST của CĐ cty mẹ	0.89	0.35	1.21	0.29	-0.11

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	6.66	-1.30	7.12	-2.60	-19.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.92	-6.33	0.43	2.73	0.61
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	25.6	28.4	20.8	28.3	28.4
Lưu chuyển tiền thuần	2.74	-7.64	7.55	0.13	-18.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0.02	-0.02	0.00	0.01
Tiền cuối kỳ	28.4	20.8	28.3	28.4	9.78

(Nguồn: fireant.vn)